TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 562/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 7 - 2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Ông Trần Công Trung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 227/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966;
Địa chỉ: 71/3 Phú Thọ Hòa, phường Ph, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm: 1964;
Địa chỉ: 71/3 Phú Thọ Hòa, phường Ph, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Lê Văn D tự nguyện kết chung sống vào năm 1982, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện C, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135, quyển số 01/2007 ngày 29/11/2007.

Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, thường xuyên gây gỗ, cải vã. Từ đó cuộc sống chung không còn hạnh phúc, hai bên đã cố gắng giải quyết mâu thuẫn, đến nay các con chung đã trưởng thành nhưng vẫn không giải quyết được, vợ chồng không còn cuộc sống chung, không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có 02 chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 31/3/1984

và Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 07/5/1990. Các con chung đều đã trưởng thành và khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tổ chức phiên hòa giải để các đương sự giải quyết ly hôn nhưng do bị đơn vắng mặt nên Tòa án lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 28, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số số 135, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 29/11/2007 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, cãi vả dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, ông D và bà H đã không còn sống chung với nhau đồng thời Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông D để đến Tòa hòa giải nhưng ông D không đến, điều đó cho thấy ông D không còn thiết tha trong việc hàn gắn hạnh phúc gia đình. Qua đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông D đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 135, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 29/11/2007 thì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông D có hộ khẩu thường trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H có đơn đề ngày 14/02/2020 yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Đối với bị đơn - ông Lê Văn D: Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng triệu tập ông D đến Tòa để tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử nhưng ông D vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông D không có mặt tại toà án để trình bày lời khai, không tham dự các buổi hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên toà hôm nay mặc dù đã được Toà án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó, Toà án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

Theo kết quả xác minh của Công an phường Ph, quận Tân Phú thì ông D có hộ khẩu nhưng không thực tế cư trú tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên tắc cơ bản của hôn nhân là tự nguyện, mục đích của hôn nhân là "vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc", trong trường hợp này giữa bà H và ông D đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Mặt khác, Toà án đã nhiều lần tống đạt Giấy triệu tập đương sự để tham gia phiên họp, phiên hòa giải cũng như phiên tòa hôm nay để tạo điều kiện hòa giải nhưng ông D đều vắng mặt, điều đó thể hiện ông Dũng hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông D đã thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung: Bà H xác nhận có 02 chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 31/3/1984 và Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 07/5/1990 đã trưởng thành và khỏe mạnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà H được Tòa án chấp nhận, nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn D.

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn D (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 135, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lệ, huyện C, tỉnh Long An cấp ngày 29/11/2007) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Bà H, ông D 02 con chung tên Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 31/3/1984 và Lê Thị Mỹ H, sinh ngày 07/5/1990 đã trưởng thành và khỏe mạnh nên Tòa án không giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác nhận không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị H chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu số 0020457 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tuyết Nhung